

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Ông Nguyễn Khắc Quyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng-Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đào Duy N; nơi ĐKKHKT: Tổ M, Khu M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi sinh sống: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02-11-2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh N trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 16-11-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng với nhau trong phát triển kinh tế gia đình, không tin tưởng, tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng không sinh được con nên tình cảm dần lạnh nhạt, thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống. Anh N nghi ngờ chị sống không chung

thủy, có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng thực tế không có. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Sau khi vợ chồng xảy ra xô xát, chị đã chuyển ra ở riêng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị không có.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đào Duy N trình bày:

Anh xây dựng hạnh phúc với chị M trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 16-11-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc bận rộn, ít có thời gian dành cho nhau, hơn nữa kinh tế gia đình không được như ý cũng góp phần làm nảy sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Có lần anh phát hiện chị M nhắn tin với người đàn ông khác, anh giật điện thoại xem tin nhắn thì chị M giật lại nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát. Sau đó chị M gấp quần áo bỏ đi ở nhờ nhà bạn. Thời gian đầu, anh nhiều lần đến tìm chị M về nhưng chị M không về. Anh cũng đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện thuyết phục chị M quay về chung sống nhưng chị M cương quyết không về. Gia đình hai bên biết chuyện vợ chồng xảy ra mâu thuẫn tình cảm, gia đình tôi có gọi điện cho chị M nhưng chị M không nghe máy. Anh chưa đến gặp gia đình chị M nên không biết ý kiến của gia đình chị M như thế nào. Nay, chị M làm đơn khởi kiện xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh chị không có.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn trình bày ghi ngày 11-3-2019, anh N trình bày: Việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tình cảm là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, trong thời gian chung sống vợ chồng không sinh được con chung nên tình cảm dần lạnh nhạt, thiếu sự quan tâm, gắn bó, chia sẻ với nhau. Vợ chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên xảy ra việc cãi vã, xô xát. Trong thời gian sống ly thân, anh có nhắn tin, gọi điện thuyết phục nhưng chị M cương quyết không quay về. Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải cho vợ chồng nhưng anh chị vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Từ sau buổi hòa giải tại Tòa án đến nay, do công việc bận rộn nên anh chưa tìm gặp chị M được, anh có nhắn tin, gọi điện nói chuyện nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, không giải quyết được mâu thuẫn. Công việc mới của anh rất bận rộn, anh thấy quá mệt mỏi, cần có thời gian tập trung làm việc, nếu chị M vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị M. Do mới thay đổi công việc, không xin nghỉ để đến Tòa án làm việc được, anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị M nộp đơn khởi kiện với anh Đào Duy N, anh N có nơi ĐKKTTT: Tổ M, Khu M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi sinh sống: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; anh N và chị M có đơn thống nhất thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng giải quyết vụ án; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn là anh N vắng mặt nhưng anh N đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị M và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 16-11-2015 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, chị M và anh N đều trình bày nguyên nhân là do vợ chồng không sinh được con chung nên thiếu sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó tình cảm, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, không có niềm tin vào nhau. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Sau thời gian được Tòa án mở phiên hòa giải, anh N có đơn trình bày việc giải quyết mâu thuẫn tình cảm vợ chồng làm anh rất mệt mỏi, ảnh hưởng đến công việc, nếu chị M vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M đã cung cấp cho Tòa án các văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại gia đình và chính quyền địa phương. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh N. Như vậy, có thể thấy tình trạng hôn nhân của chị M và anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[5] Về nuôi con chung: Chị M và anh N không có.

[6] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị M và anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217, Điều 218, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đào Duy N.

2. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006919 ngày 20-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị M và anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Đương sự;
- UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường